

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2019/DS-PT

Ngày: 20 - 8 - 2019

V/v tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo
pháp luật và theo di chúc”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 và 20 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 7
năm 2019 về việc tranh chấp “Chia di sản thừa kế theo pháp luật và theo di
chức”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2019/DSST ngày 09 tháng 5 năm 2019
của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 237/2019/QĐ-PT ngày
08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970(có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954(có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958(có mặt).

Cùng địa chỉ : ấp k, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956 (bị tuyên bố mất tích) (vắng mặt)

4. Bà Lê Thị K, sinh năm 1966(vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Hữu K, sinh năm 1995(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966(có mặt).

Địa chỉ : ấp k, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

7. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 (chết).

** Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Mi gồm:*

1. Bà Lê Thị A, sinh năm 1962(vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980(vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983(vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985(vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981(vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Cha ông là ông Nguyễn Văn T sinh năm 1929 (chết vào ngày 25/12/2014) theo giấy chứng tử số 85/2014, do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C cấp ngày 26/12/2014 và mẹ bà Trần Thị D sinh năm 1931(chết năm 1972), ông T và bà D có tất cả là 07 người con gồm:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954.

3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956. (Tuyên bố mất tích theo quyết định số: 11/2016/ QĐ- ST ngày 29/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện C).

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958.

5. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 (chết năm: 2016).Ông M có vợ là bà Lê Thị A, sinh năm 1962 và có 04 người con là anh Nguyễn Văn T, sinh năm

1980, chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983 , chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 và chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981.

6. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966 .

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Ngoài 07 người con trên ông T và bà D không có con nuôi hoặc con riêng nào khác .

Lúc sinh thời cha, mẹ ông đã chia đất cho các anh chị em của ông. Sau khi ông T chết có để lại phần di sản thừa kế gồm các thửa đất như sau: Thửa 261, tờ bản đồ C1, diện tích 894m², thửa 831, tờ bản đồ C1, diện tích 1.531,2m² và thửa 836, tờ bản đồ C1, diện tích 2.279m², được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00722, CH00723 và CH00732 ngày 10/7/2012, do ông T đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, ngoài ra không còn tài sản gì khác. Đến năm 2014 thì ông T chết không có để lại di chúc và hiện tại ông quản lý canh tác thửa 836, tờ bản đồ C1, diện tích 2.279m², còn ông T quản lý canh tác thửa 261, tờ bản đồ C1, diện tích 894 m², thửa 831, tờ bản đồ C1, diện tích 1.531,2m². Sau khi ông T chết thì ông có biết là ông T có lập bản di chúc nhưng ông cho rằng bản di chúc đó là không phù hợp. Nay ông yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T để lại, chia làm 07 phần và ông xin nhận đất, đối với phần đất vườn ở thửa 261 và thửa 831 ông xin nhận phần đất cạnh hướng Tây giáp với đất ông Đào Văn M để ông làm lối đi vào nhà và vườn, còn đối với phần đất lúa ở thửa 836 thì ông xin được chia phần đất giáp với đất bà Trần Thị C để ông có lối dẫn nước vào ruộng của ông. Không đồng ý chia thừa kế theo di chúc.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế của ông T và bà D và tài sản mà ông T và bà D để lại. Nhưng ông xác định trước đây vào năm 1980 ông T có cho ông phần đất khoản 1.000m² giáp với kênh Nguyễn Văn T và ông đã cất nhà kiên cố nhưng chưa làm thủ tục sang tên tách bộ được do ông T tranh chấp. Trong phần đất ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật có phần đất cha ông cho ông trước đây và ông không đồng ý chia phần đất này, đối với hai phần đất còn lại ông không có ý kiến gì, yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, hiện nay ông đang quản lý thửa 261, tờ bản đồ C1, diện tích 894m², thửa 831, tờ bản đồ C1, diện tích 1.531,2m².

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn và bị đơn về hàng thừa kế của ông T và bà D và tài sản mà ông T và bà D để lại. Ông xác định cha ông là ông Nguyễn Văn T chết vào năm 2014, trước khi cha ông qua đời vào năm 2011 cha ông có lập di chúc cho ông phần đất vườn 2.000m², tại thửa 311 (hiện nay là thửa 831, tờ bản đồ C1, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T thì hiện nay diện tích còn lại 1.531,2m²), liền kề với đất chia cho ông Nguyễn Văn T và 2.300m² đất lúa, cộng chung là 4300m². Đến tháng 01/2015

ông có đến Ủy ban nhân dân M, huyện Cái Bè xin mở di chúc nhưng bị phía ông T và ông T ngăn cản và dẫn đến tranh chấp.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và yêu cầu ông T phải giao cho ông phần đất ở thửa 831, tờ bản đồ C1, diện tích 1.531,2m² và ông T phải giao cho ông phần đất lúa ở thửa 836, tờ bản đồ C1, diện tích 2.279m², theo bản di chúc của ông T lập vào năm 2011. Không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q trình bày:*

Ông không yêu cầu chia phần di sản của ông T để lại vì trước đây ông đã được ông T cho rồi và yêu cầu chia cho ông T phần đất ở thửa 261 và thửa 831, còn phần đất lúa ở thửa 836 yêu cầu chia cho các con của ông M.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà yêu cầu chia di sản của ông T để lại làm 07 phần theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Lúc ông nội anh là ông T còn sống có hứa cho cha anh phần đất lúa diện tích hơn 2000m² và anh yêu cầu chia cho cha anh thửa đất lúa đối với các thửa đất còn lại anh không có ý kiến gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A, chị Nguyễn Thị S, chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị Đ, bà Lê Thị K, anh Nguyễn Hữu K trình bày:*

Không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và ông H.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2019/DS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 35, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 646, điều 647, điều 648, điều 650, điều 667 và điều 674 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.*

Xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T theo pháp luật.

2- Công nhận bản di chúc của ông Nguyễn Văn T lập ngày 12/10/2011 có hiệu lực pháp luật. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chia thừa kế theo di chúc.

3- Chia cho ông Nguyễn Văn T phần diện tích đất được hưởng theo di chúc ngày 12/10/2011 của ông Nguyễn Văn T với diện tích là 710,9m² ở thửa số 261, tờ bản đồ C1, diện tích 894m², qua đo đạc thực tế là 604,9m² (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất bút lục 191 thể hiện là từ T1 đến T10), do ông Nguyễn Văn T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00722 ngày 10/7/2012.

Phần đất có vị trí như sau:

- + Phía Đông Nam giáp đường công cộng trước đây dài 37,13m;
- + Phía Tây Bắc giáp kênh Nguyễn Văn T dài 31.86m;
- + Phía Đông Bắc giáp phần đất của ông Dương Văn L ngang 19,4m;
- + Phía Tây Nam giáp đất ông Đoàn Văn M ngang 14,27m.

Có sơ đồ kèm theo.

Và phần diện tích đất 106m², nằm trong thửa 831 (được tách ra từ thửa 311 trước đây), tờ bản đồ C1 diện tích 1531,2m², qua đo đạc thực tế là 1298,8m², do ông Nguyễn Văn T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00723 ngày 10/7/2012.

Giao cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất mà ông Nguyễn Văn H được chia theo di chúc của ông Nguyễn Văn T lập ngày 12/10/2011 với diện tích là 1.192,8m², nằm trong thửa 831(được tách ra từ thửa 311 trước đây), tờ bản đồ C1, diện tích 1531,2m², qua đo đạc thực tế là 1298,8m² sau khi trừ 106 m² chia cho ông Nguyễn Văn T (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất bút lục 191 thể hiện từ T11 đến T15), do ông Nguyễn Văn T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00723 ngày 10/7/2012.

Phần đất có vị trí như sau:

- + Phía Đông Nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn T ngang 26,30m và 10,54m;
- + Phía Tây Nam giáp với đất ông Đoàn Văn M dài 15,39m và ông Nguyễn Văn T dài 63,04m;
- + Phía Tây Bắc giáp phần đường bê tông trước đây dài 37,13m;
- + Phía Đông Bắc giáp đất ông Dương Văn L dài 79,59m.

Có sơ đồ kèm theo.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 596.400.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

4- Giao cho ông Nguyễn Văn T tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất mà ông Nguyễn Văn H được chia theo di chúc của ông Nguyễn Văn T lập ngày 12/10/2011 với diện tích là 2.279m², nằm trong thửa 836, qua đo đạc thực tế là 2.244,7m² (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất bút lục 192 thể hiện là T-1), do ông Nguyễn Văn T đứng tên được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00732 ngày 10/7/2012. Phần đất có vị trí như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp phần đất ông Dương Văn H và Dương Thị Nguyệt C dài 67,03m;
- + Phía Tây Nam giáp phần đất của bà Trần Thị C dài 66,95m;

- + Phía Tây Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T ngang 33,49m;
- + Phía Đông Nam giáp đường đất ông Dương văn H ngang 33,60m.

Có sơ đồ kèm theo.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 202.023.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3- Án phí :

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.250.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 05234 ngày 23/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên hoàn lại cho ông T 1.050.000 đồng tiền dự phí.

- Ông Nguyễn Văn T phải chịu 17.772.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 35.936.920 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 5.250.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 05366 ngày 17/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 30.686.920 đồng tiền án phí.

4- Ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Lê Thị A, chị Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Đ, bà Lê Thị K, anh Nguyễn Hữu K, ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

* Ngày 09 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

* Ngày 23 tháng 5 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không công nhận di chúc của ông T là hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T và ông T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị B, Lê Thị K, Nguyễn Hữu K, Lê Thị A, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là chia di sản thừa kế theo pháp luật và theo di chúc là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo quy định của của Bộ luật dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy phần đất các bên tranh chấp yêu cầu chia thừa kế gồm các thửa 261 diện tích 894 m², thửa 831 diện tích 1.531,2m², thửa 836 diện tích 2.279m² thuộc tờ bản đồ C1, đất tọa lạc tại ấp Mỹ H, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/5/1999 và được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/7/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn T đứng tên.

Xét thấy nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật chia di sản thừa kế của cụ T để lại, yêu cầu chia làm 07 phần và ông xin nhận đất, đối với phần đất vườn thửa 261, diện tích 894 m² và thửa 831, diện tích 1.531,2m², ông xin nhận phần đất cạnh hướng Tây giáp với đất ông Đào Văn M để ông làm lối đi vào nhà và vườn, còn đối với phần đất lúa thửa 836, diện tích 2.279m² thì ông xin được chia phần đất giáp với đất bà Trần Thị C để ông có lối dẫn nước vào ruộng của ông, hiện nay ông đang quản lý thửa 836, diện tích 2.279m²

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Văn H yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và yêu cầu ông T phải giao cho ông phần đất ở thửa 831, diện tích 1.531,2m² và ông T phải giao cho ông phần đất lúa ở thửa 836, diện tích 2.279m², theo bản di chúc do cụ Nguyễn Văn T lập vào ngày 12/10/2011. Không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: vào năm 1980 cụ T có cho ông phần đất khoảng 1.000m² giáp với kênh Nguyễn Văn T và ông đã cất nhà kiên cố nhưng chưa làm thủ tục sang tên tách bộ được do ông T tranh chấp. Trong phần đất ông T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật có phần đất cha ông cho ông trước đây và ông không đồng ý chia phần đất này, đối với hai phần đất còn lại ông không có ý kiến gì, yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, hiện nay ông đang quản lý thửa 261, diện tích 894m²; thửa 831, diện tích 1.531,2m².

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày thống nhất cụ Trần Thị D chết năm 1972, đến năm 1973 cụ Nguyễn Văn T sống chung như vợ chồng với người phụ nữ có tên gọi là H P, ngụ ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang đến năm 1988 không còn sống chung; xét thấy đây là tình tiết mới, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp cho đương sự cần thiết làm rõ quan hệ hôn nhân giữa cụ T và bà P, bà P có phải là hàng thừa kế của cụ T không và đưa bà P tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đây là tình tiết mới do đương sự chưa cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa bà P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật ba thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T để lại, yêu cầu chia làm 7 phần cho hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn T trong đó có bà Nguyễn Thị P. Vào ngày 29/02/2016 bà Nguyễn Thị P được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tuyên bố mất tích, vào ngày 23/5/2016 Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án và đưa bà Nguyễn Thị P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà P có chồng là Trịnh Văn C, sinh năm 1956 và 03 người con là Nguyễn Anh K, sinh năm 1987, Trịnh Văn N, sinh năm 1978 và Trịnh Thị T, sinh năm 1980 (bút lục 05, 06); tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chồng và 3 con bà Phụng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để có ý kiến về việc quản lý tài sản được hưởng thừa kế của bà P trong trường hợp bà P được chia thừa kế theo quy định tại Điều 69 Bộ luật dân sự về quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, cụ thể các đương sự tranh chấp chia thừa kế các thửa đất 261, 831 (một phần thửa củ 311), 836 (một phần thửa củ 332) là di sản của hộ ông Nguyễn Văn T, các thửa đất trên được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T vào ngày 20/5/1999, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên hộ ông Nguyễn Văn T có bao nhiêu thành viên, xem họ có quyền sử dụng đất chung trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn T hay không, mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

Những sai sót trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để đảm bảo hai cấp xét xử vụ án theo quy định pháp luật nên cần thiết hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét đến nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T.

[4] Ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy bản án sơ thẩm số: 68/2019/DSST ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông T 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 10226 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông T 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 10304 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2019-C

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Bình

